

HỒI KÝ CỦA MỘT NGƯỜI HÀ NỘI

Với bút hiệu tự do – chữ thường, viết liền – ông Nguyễn Văn Luận là tác giả bài “Người tìm tự do và tượng thân tự do” đã được bình chọn trúng giải chính thức trong giải sơ kết 3 tháng Giải thưởng Việt Báo Viết Về Nước Mỹ. Tác giả sinh năm 1937, hiện cư ngụ tại Worcester, Massachusetts. Sau đây là bài viết mới nhất của ông.

Ông Hòa là cựu sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa, bị Cộng sản bắt đi tù năm 1975, sang Mỹ theo diện HO. Tôi gặp ông tại một tiệc cưới, trở thành bạn, thường gặp nhau bởi cùng sở thích, nói chuyện văn chương, thời thế, dù trong quá khứ ông sống tại miền Nam, tôi ở xứ Bắc.

Một lần tới thăm, cháu Thu Lan, con ông Hòa, hỏi tôi, “Bác ở Hà Nội mà cũng đi tị nạn à...?”

Nghe hỏi tự nhiên nên tôi chỉ cười, “Cái cột đèn mà biết đi, nó cũng đi, ...nữa là bác!” Thực ra tôi đã không trốn thoát được từ lần đầu “vượt tuyến” vào miền Nam. Rồi thêm nhiều lần nữa và 2 lần “vượt biển”, vẫn không thoát. Chịu đủ các “nạn” của chế độ cộng sản trong 27 năm ở lại miền Bắc, tôi không tị nạn, mà đi tìm Tự Do, trở thành thuyền nhân, đến nước Mỹ năm 1982.

Sinh trưởng tại Hà Nội, những năm đầu sống ở Mỹ, tôi đã gặp nhiều câu hỏi như cháu Thu Lan, có người vì tò mò, có người giễu cợt. Thời gian rồi cũng hiểu nhau.

Tôi hằng suy nghĩ và muốn viết những giòng hồi tưởng, vẽ lại bức tranh Hà Nội xưa, tặng thế hệ trẻ, và riêng cho những người Hà Nội di cư.

Người dân sống ở miền Nam trù phú, kể cả hàng triệu người di cư từ miền Bắc, đã không biết được những gì xảy ra tại Hà Nội, thời người cộng sản chưa vận com-lê, đeo cà-vạt, phụ nữ không mặc áo dài.

Hiệp định Geneva chia đôi nước Việt. Cộng sản, chưa lộ mặt là Cộng sản, tràn vào miền Bắc tháng 10 năm 1954. Người Hà Nội đã “di cư” vào miền Nam, bỏ lại Hà Nội hoang vắng, tiêu điều, với chính quyền mới là Việt Minh, đọc tắt lại thành Vẹm. Vì chưa trưởng thành, tôi đã không hiểu thế nào là ...Vẹm!

Khi họ tiếp quản Hà Nội, tôi đang ở Hải phòng. Dân đông nghịt thành phố, chờ tàu há mồm để di cư.

Trước Nhà Hát Lớn, vali, hòm gỗ, bao gói xếp la liệt. Lang thang chợ trời, tôi chờ cha tôi quyết định đi Nam hay ở lại. Hiệp định Geneva ghi nước Việt Nam chỉ tạm thời chia cắt, hai năm sau sẽ “Tổng tuyển cử” thống nhất. Ai ngờ cộng sản miền Bắc “tổng tấn công” miền Nam!

Gia đình lớn của tôi, không ai làm cho Pháp, cũng không ai theo Việt Minh. Cha tôi làm chủ một hãng tàu, nghĩ đơn giản là dân thường nên ở lại. Tôi phải về Hà Nội học.

Chuyến xe lửa Hà Nội “tăng bo” tại ga Phạm Xá, nghĩa là hai chính quyền, hai chế độ, ngăn cách bởi một đoạn đường vài trăm mét, phải đi bộ hoặc xe ngựa. Người xuống Hải phòng ùn ùn với hành lý để đi Nam, người đi Hà Nội là con buôn, mang xăng về bán. Những toa tàu chật cứng người và chất cháy, từ chai lọ đến can chứa nhà binh, leo lên nóc tàu, búa vào thành toa, liêu lĩnh, hỗn loạn ...

Tới cầu Long Biên tức là vào Hà Nội. Tàu lắc lư, người va chạm người. Thằng bé ù chạc 15 tuổi, quắc mắt nhìn tôi, “Đề nghị đồng chí xác định lại thái độ, lập trường tư tưởng!” Tôi bàng hoàng vì thứ ngoại ngữ Trung quốc, phiên âm thành tiếng Việt, nghe lần đầu không hiểu, để rồi phải “học tập” suốt 20 năm, “ngoại ngữ cộng sản”: đấu tranh, cảnh giác, căm thù và ... tiêu diệt giai cấp! (Thứ ngôn ngữ này ghi trong ngoặc kép).

Hà Nội im lìm trong tiết đông lạnh giá, người Hà Nội e dè nghe ngóng từng “chính sách” mới ban hành. “Cán bộ” và “bộ đội” chỉ khác nhau có ngôi sao trên mũ bằng nan tre, phủ lớp vải màu cỏ úa, gọi là “mũ bộ đội”, sau này có tên là “nón cối”. Hà Nội “xuất hiện” đôi dép “Bình Trị Thiên”, người Bắc gọi là “dép lốp”, ghi vào lịch sử thành “dép râu”. Chiếc áo dài duyên dáng, thướt tha của thiếu nữ Hà Nội được coi là “biểu hiện” của “tư sản, phong kiến”, biến mất trong mười mấy năm sau, vì “triệt để cách mạng”. Lần đầu tiên, “toàn thể chị em phụ nữ” đều mặc giống nhau: áo “sơ mi”, quần đen. Hãn hữu, như đám cưới mới mặc sơ mi trắng vì “cả nước” không có xà phòng. Chơi vui trong Hà Nội, tôi đi tìm thầy xưa, bạn cũ, hầu hết đã đi Nam. Tôi phải học năm cuối cùng, Tú tài 2, cùng một số “lớp Chín hậu phương”, năm sau sẽ sát nhập thành “hệ mười năm”. Số học sinh “lớp Chín” này vào lớp không phải để học, mà là “tổ chức Hiệu đoàn”, nhận “chỉ thị của Thành đoàn” rồi “phát động phong trào chống văn hóa nô dịch!” Họ truy lùng...

đốt sách! Tôi đã phải nhồi nhét đầy ba bao tải, Hiệu đoàn “kiểm tra”, lục lọi, từ quyển vở chép thơ, nhạc, đến tiểu thuyết và sách quý, mang “tập trung” tại Thư viện phố Tràng Thi, để đốt. Lửa cháy bập bùng mấy ngày, trong niềm “phân khởi”, lời hô khẩu hiệu “quyết tâm”, và “phát biểu của bí thư Thành đoàn”: tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn là ... “cực kỳ phản động!” Vào lớp học với những “phê bình, kiểm thảo...cảnh giác, lập trường”, tôi đành bỏ học. Chiếc radio Philip, “tự nguyện “ mang ra “đòn công an”, thế là hết, gia tài của tôi!

Mất đời học sinh, tôi bắt đầu cuộc sống đọa đày vì “thành phần giai cấp”, “sổ hộ khẩu”, “tem, phiếu thực phẩm”, “lao động nghĩa vụ hàng tháng”. Đây là chính sách dồn ép thanh niên Hà Nội đi “lao động công trường”, miền rừng núi xa xôi. Tôi chỉ bám Hà Nội được 2 năm là bị “cắt hộ khẩu”, ...đi tù!

Tết đầu tiên sau “tiếp quản”, còn được gọi là “sau hòa bình lập lại”, Hà Nội mơ hồ. Những bộ mặt vàng vốt, áo quần nhàu nát, xám xịt, thái độ “ít cười mở”, từ “nông thôn” kéo về tiếp quản chiếm nhà người Hà Nội di cư. Người Hà Nội ở lại bắt đầu hoang mang vì những tin đồn và “chỉ thị”: ăn Tết “đơn giản, tiết kiệm”. Hàng hóa hiếm dần, “hàng nội” thay cho “hàng ngoại”.

Âm thầm, tôi dạo bước bên bờ Hồ Gươm, tới 30 Tết. Tháp Rùa, Cầu Thê Húc nhạt nhòa, âm đạm, đèn Ngọc Sơn vắng lặng. Chỉ có Nhà Thủy Tạ, đêm nay có ca nhạc, lần cuối cùng của nghệ sĩ Hà Nội. Đoàn Chuẩn nhớ thương hát “Gửi người em gái miền Nam”, để rồi bị đầu tố là phong cách tiểu tư sản, rạp xiê Đại Đồng phố Hàng Cót bị “tịch thu”. Hoàng Giácca bài “Bóng ngày qua”, bị kết tội thành “tê ngụy”, hiệu đàn nhỏ phố Cầu Gỗ phải dẹp, vào tổ đàn mũ nan, làn mây, sóng “tiêu cực” hết đời trong đói nghèo, khốn khổ. Danh ca Minh Đỗ, Ngọc Bảo, nhạc sĩ Tạ Tấn, sau này làm gì, sống ra sao, “phân tán”, chẳng ai còn dám gặp nhau, sợ thành “phản động tụ tập”. “Chỉ thị Đảng và Ủy ban Thành” “phổ biến rộng rãi trong quần chúng” là diệt chó. “Toàn dân diệt chó”, từ thành thị đến “nông thôn”. Gậy gộc, giầy thừng, đòn gánh, nện chết hoặc bắt trời, rồi đầu làng, góc phố “liên hoan tập thể”. Lý do giết chó, nói là trừ bệnh chó dại, nhưng đó là “chủ trương”, chuẩn bị cho đầu tố “cải tạo tư sản” và “cải cách ruộng đất”. Du kích, công an rình mò, “theo dõi”, “nắm vững tình hình” không bị lộ bởi chó sủa. Mọi nơi im phăng phắc ban đêm, mọi người nín thở đợi chờ thảm họa.

Hà Nội đói và rách, khoai sắn chiếm 2 phần tem gạo, 3 mét vải “cung cấp” một năm theo “từng người trong hộ”. Mẹ may thêm chiếc quần “đi lao động “ thì con nít cởi truồng. Người thành thị, làm cật lực, xây dựng

cơ ngơi, có ai ngờ bị quy là “tư sản bóc lột”? nhẹ hơn là “tiểu tư sản”, vẫn là “đội tượng của cách mạng”.

Nông dân có dăm sào ruộng đất gia truyền vẫn bị quy là “địa chủ bóc lột, cường hào ác bá”! Giáo sư Trương Văn Minh, hiệu trưởng trường Tây Sơn, ngày đầu “học tập”, đã nhảy lầu, tự tử.

“Tư sản Hà Nội” di cư vào Nam hết, chẳng còn bao nhiêu nên “công tác cải tạo được làm “gọn nhẹ” và “thành công vượt mức”, nghĩa là mang bản một, hai người “điển hình”, coi là “bạn đầu xỏ” “đầu cơ tích trữ”, còn thì “kiếm kê”, đánh “thuế hàng hóa”, “truy thu”, rồi “tịch thu” vì “ngoan cố, chống lại cách mạng!”

Báo, đài hàng ngày tường thuật chuyện đầu tở, kể tội ác địa chủ, theo bài bản của “đội cải cách” về làng, “bắt rể” “bần cố nông”, “chuẩn bị thật tốt”, nghĩa là bắt học thuộc lòng “từng điểm”: tội ác địa chủ thì phải có hiếp dâm, đánh đập, bắt con ở đợ, “điễn

hình” thì mang thai nhi cho vào cối giã, nấu cho lợn ăn, đánh chết tá điễn, hiếp vợ sắc máu ...! Một vài vụ, do “Đảng lãnh đạo”, “vận động tốt”, con gái, con dâu địa chủ, “thoát ly giai cấp”, “tích cực” “tố cáo tội ác” của cha mẹ. Cảnh tượng này thật náo nùng! Lời Bác dạy suốt mấy mươi năm: “Trung với Đảng, hiếu với dân ...” là vậy! “Bần cố nông” cảm biển nhận ruộng được chia, chưa cấy xong hai vụ thì phải “vào hợp tác”, “làm ăn tập thể”, ruộng đất lại thu hồi về “cộng sản”.

“Toàn miền Bắc” biết được điều “cơ bản” về Xã hội chủ nghĩa là... nói dối! Mọi người, mọi nhà “thi đua nói dối”, nói những gì Đảng nói. Nói dối để sống còn, tránh bị “đàn áp”, lâu rồi thành “nếp sống”, cả một thế hệ hoạc lạng cam, hoạc nói dối, vì được “rèn luyện” trong xã hội ngục tù, lấy “công an” làm “nòng cốt” chế độ.

Ở Mỹ, ai hỏi bạn: “How are you?”, bạn trả lời: “I’m fine, thank you”. Ở miền Bắc, thời đại Hồ chí Minh, “cán bộ” hỏi: “công tác” thế nào? Dù làm nghề bơm xe, vá lốp, người ta trả lời, “...rất phấn khởi, ra sức thi đua, lập thành tích chào mừng... các nước anh em!”

Bị bắt bên bờ sông Bến Hải, giới tuyến chia hai miền Nam Bắc, năm 19 tuổi, tôi bị “bộ đội biên phòng” giam về Lệ Thủy, được “tự do” ở trong nhà chi “du kích” hai ngày, đợi đò về Đồng Hới. Trãi 9 trại giam nữa thì về tới Hỏa Lò Hà Nội, vào xà lim. Cảnh tù tội chẳng có gì tươi đẹp, xã hội cũng là một nhà tù, không như báo, đài hàng ngày kêu to “Chế độ ta tươi đẹp”.

Cơ hàn thiết thân, bất cố liêm sỉ, người tù “biến chất”, người tù chiến kéo về, nhận là người Hà Nội, đói rét triền miên nên cũng “biến chất”! Đói xử lọc lừa, gia đình, bè bạn, họ hàng, “tiếp xúc” với nhau phải “luôn luôn cảnh giác”. Hà Nội đã mất nền lễ giáo cổ xưa, Hà Nội suy sụp tinh thần vì danh từ “đồng chí”!

Nằm trong xà lim, không có ngày đêm, giờ giấc, nghe tiếng động mà suy đoán “tình hình”. Ánh điện tù mù chiếu ô cửa sổ nhỏ song sắt, cao quá đầu, tôi đứng trên xà lim, dùng ngón tay vẽ chữ lên tường, “liên lạc” được với Thụy An ở xà lim phía trước.

Thụy An là người Hà Nội ở lại, “tham gia hoạt động “Nhân Văn Giai Phẩm, đòi tự do cho văn nghệ sĩ, sau chuyển lên rừng, không có ngày về Hà Nội. Bà phản uất, đã dùng đũa tre chọc mù một mắt, nói câu khí phách truyền tụng: “Chế độ này chỉ đáng nhìn bằng nửa con mắt!”

Người du lịch Việt Nam, ít có ai lên vùng thượng du xứ Bắc, tỉnh Lào Cai, có trại tù Phong Quang hà khắc, có thung lũng sâu heo hút, có tù chính trị chặt tre vầu theo “định mức chỉ tiêu”. Rừng núi bao la, tiếng chim “bắt cô trời cội”, nấc lên nức nở, tiếng gà gô, thức giấc, sương mù quanh năm.

Phó Hàng Đào Hà Nội, vốn là “con đường tư sản”, có người trai trẻ tên Kim, học sinh Albert Sarraut. Học trường Tây thì phải chịu sự “căm thù đế quốc” của Đảng, “đế quốc Pháp” trước kia và “đế quốc Mỹ” sau này. Tù chính trị nhốt lẫn với lưu manh, chưa đủ một năm, Kim Hàng Đào “bất mãn” trở thành Kim Cụt, bị chặt đứt cánh tay đến vai, không thuốc, không “nhà thương” mà vẫn không chết.

Phó Nguyễn công Trứ gần Nhà Rượu, phía Nam Hà Nội, người thanh niên đẹp trai, có biệt danh Phan Sứa, giỏi đàn guitar, mê nhạc Đoàn Chuẩn, đi tù Phong Quang vì “lãng mạn tiêu tư sản”. Không hành lý nhưng vẫn ôm theo cây đàn guitar. Chỉ vì “tiêu tư sản”, không “tiến bộ”, không có ngày về...! Ba tháng “kỷ luật”, Phan Sứa hấp hối, khiêng ra khỏi Cổng Trời cao vút, gió núi mây ngàn, thì tiêu tan giấc mơ Tình nghệ sĩ!

Người già Hà Nội chết dần, thế hệ thứ hai, “xung phong”, “tình nguyện” hoặc bị “tập trung” xa rời Hà Nội. Bộ công an “quyết tâm quét sạch tàn dư đế quốc, phản động”, nên chỉ còn người Hà Nội từ “kháng chiến” về, “nhất trí tán thành” những gì Đảng ... nói dối!

Tôi may mắn sống sót, dù mang lý lịch “bôi đen chế độ”, “âm mưu lật đổ chính quyền”, trở thành người “Hà Nội di cư”, 10 năm về Hà Nội đôi lần, khó khăn vì “trình báo hộ khẩu”, “tạm trú tạm vắng”. “Kinh nghiệm bản thân”, “phần đầu vượt qua bao khó khăn, gian khổ”, số lần tù đã quên trong trí nhớ, tôi sống tại Hải phòng, vùng biển.

Hải phòng là cơ hội “ngàn năm một thuở” cho người Hà Nội “vượt biên” khi chính quyền Hà Nội chống Tàu, xua đuổi “người Hoa” ra biển, khi nước Mỹ và thế giới đón nhận “thuyền nhân” tị nạn.

Năm 1980, tôi vào Sài Gòn, thành phố đã mất tên sau “ngày giải phóng miền Nam”. Vào Nam, tuy phải lén lút mà đi, nhưng vẫn còn dễ hơn “di chuyển” trong các tỉnh miền Bắc trước đây. Tôi bước trên đường Tự Do, hưởng chút dư hương của Sài Gòn cũ, cảnh tượng rồi cũng đổi thay như Hà Nội đã đổi thay sau 1954 vì “cán ngổ” cai trị.

Dân chúng miền Nam “vượt biên” ào ạt, nghe nói dễ hơn nên tôi vào Sài Gòn, tìm manh mối. Gặp cha mẹ ca sĩ Thanh Lan tại nhà, đường Hồ Xuân Hương, gặp cựu sĩ quan Cộng Hòa, anh Minh, anh Ngọc, đường Trần Quốc Toản, tù từ miền Bắc trở về. Đường ra biển tính theo “cây”, bảy, tám cây mà dễ bị lừa. Chị Thanh Chi (mẹ Thanh Lan) nhìn “nón cối” “ngụy trang” của tôi, mỉm cười: “Trông anh như cán ngổ, mà chẳng ngổ chút nào!”

“Hà Nội, trí thức thời Tây, chứ bộ...!. Cả nước Việt Nam, ai cũng sẽ trở thành diễn viên, kịch sĩ giỏi!”

Về lại Hải Phòng với “giấy giới thiệu” của “Sở giao thông” do “móc ngoặc” với “cán bộ miền Nam” ở Saigon, tôi đã tìm ra “biện pháp tốt nhất” là những dân chài miền Bắc vùng ven biển. Đã đến lúc câu chuyện tụng “Nếu cái cột điện mà biết đi...”, dân Bắc “thâm nhuần” nên “nỗ lực” vượt biên.

Năm bốn mươi tư tuổi, tôi tìm được Tự Do, định cư tại Mỹ, học tiếng Anh ngày càng khá, nhưng nói tiếng Việt với đồng hương, vẫn còn pha chút “ngoại ngữ Việt cộng” năm xưa.

Cuộc sống của tôi ở Việt Nam đã đến “mức độ” khôn cùng, nên tan nát, thương đau. Khi đã lang thang “đầu đường xó chợ” thì mới đủ “tiêu chuẩn” “xuống thành

phần”, lý lịch có thể ghi là “dân nghèo thành thị”, nhưng vẫn không bao giờ được vào “công nhân biên chế nhà nước”. Tôi mang nhãn nhục, “kiên trì” sang Mỹ, làm lại cuộc đời nên “đạt kết quả vô cùng tốt đẹp”, “đạt được nguyện vọng” hằng ước mơ!

Có người “kêu ca” về “chế độ tư bản” Mỹ tạo nên cuộc sống lo âu, tất bật hàng ngày, thì xin “thông cảm” với tôi, ngợi ca nước Mỹ đã cho tôi nhân quyền, dân chủ, trở thành công dân Hoa kỳ gốc Việt, hưởng đầy đủ “phúc lợi xã hội”, còn đẹp hơn tả trong sách Mác Lê về giấc mơ Cộng sản.

Chủ nghĩa cộng sản sụp đổ rồi. Cộng sản Việt Nam bây giờ “đổi mới”. Tiếng “đổi” và “đổ” chỉ khác một chữ “i”. Người Việt Nam sẽ cắt đứt chữ “i”, dù phải từ từ, bằng “diễn biến hòa bình”. Chế độ Việt cộng “nhất định phải đổ”, đó là “quy luật tất yếu của lịch sử nhân loại”.

Ôi! “đỉnh cao trí tuệ”, một mớ danh từ ...!

Người Tìm
Tự Do và Tượng Thần Tự Do

Tôi đến New York năm 1986, vào dịp kỷ niệm 100 năm tượng thần Tự Do uy nghi, kiêu hãnh trên hòn đảo Tự Do (Liberty Island) của nước Mỹ.

Khu Mahattan với những tòa nhà chọc trời, ngược mắt trông lên, cảm thấy mình nhỏ bé. Khách du lịch ngỡ ngàng nhìn ngó khắp nơi, thán phục nước Mỹ tự do có tượng thần Tự Do.

Theo dòng người, tôi bắt đầu từ Battery Park, queo vào Castle Clinton, xưa là pháo đài chống quân Anh, nay là nơi bán vé ferry (phà).

Qua cửa Castle là ra bờ biển đợi phà. Xa xa, nhìn thấy tượng thần giơ cao ngọn đuốc Tự Do trên làn sóng nhấp nhô của Đại Tây Dương bát ngát.

Tượng thần Tự Do là thần tượng của di dân tứ xứ, người mất tự do trên trái đất này tìm tới nước Mỹ tị

nạn. Ai cũng biết tượng thần Tự Do với tên Statue of Liberty, dễ nhớ, không dài như tên nguyên thủy là Liberty Enlighting the World.

Thời gian chờ đợi xuống phà, đây đó vài người thầm lặng suy tư. Đó là những người mới tới Mỹ. Ngồi bên gốc cây, gió hiu hiu, xào xạc lá, tôi nhìn ra đại dương bao la nhớ lại mảnh đời dĩ vãng.

*

Tôi lớn lên tại Hà Nội, được ăn học đầy đủ trước khi khôn lớn. Năm 14 tuổi, tôi học trường Văn Hóa, ngôi trường định mệnh, sát Hỏa Lò, góc phố Hàng Bông Thọ Nhuộm. Thầy dạy Anh văn, ông Nguyễn Khang, có dáng tài tử xi nê hơn là thầy giáo, ngoài dạy học còn làm ở phòng Thông tin Mỹ, phố Tràng Tiền.

Năm 1953, phó tổng thống Mỹ Richard Nixon sang thăm Hà Nội, đã đến thăm trường tôi do thầy Khang mời.

Ngồi bàn đầu và là học sinh giỏi, thầy bảo tôi đại diện lớp. Sau khi bắt tay trả lời ông Nixon "I am fine, thank you", thầy vui, ông Nixon hài lòng, tôi được nhận quà tặng là một post card tượng thần Tự Do. Sau này vì tấm post card, tôi bị vào xà lim số 8 Hỏa Lò Hà Nội, dù chẳng ai biết ông Nixon đã tặng tôi.

Tôi đã tìm được tự do sau 28 năm đọa đày từ khi đất nước chia đôi, khi bức màn tre che kín miền Bắc, tâm tối âm u.

Cha tôi làm chủ một hãng thầu tại Hải phòng trong khi gia đình vẫn ở Hà Nội. Khi người lính quốc gia cuối cùng rút sang bên kia bờ Bên Hải, cha tôi và gia đình kẹt lại do không hiểu gì về cộng sản và tài sản, cơ ngơi còn đó.

Đỗ Mười về tiếp thu Hải phòng nói rằng các nhà tư sản vẫn được làm ăn bình thường. Một tháng sau, cha tôi bị tịch thu tài sản. Trở về Hà Nội, trắng tay, cả nhà sống trong túp lều ở ngoại ô, cha tôi đi đánh giậm, vớt tôm tép trong các ao hồ, rau cháo nuôi vợ con.

Đầu tổ, cải tạo, chửi rửa, cha tôi ngày một tiều tụy hơn những người tiều tụy bị qui là tư sản còn lại trong thành phố. Lời trấn trối khi cha tôi khi nằm xuống là "Cha đã bị lừa, con hãy tìm đường vào miền Nam tự do". 17 tuổi tôi đi tìm tự do, bị bắt. Chiếc thuyền vượt tuyến giạt vào bờ bắc vĩ tuyến 17. Trải qua 11 trại giam, tôi bị giong về Hỏa Lò Hà Nội, trong xà lim số 8, mỗi xà lim giam một người. Văn nghệ sĩ Nhân Văn-Giai Phẩm chật cứng 4 dẫy xà lim.

Biệt giam, tra hỏi, ép cung, làm sao tôi trả lời được những câu hỏi về chính trị lúc tôi còn nhỏ!

Từ trường học sang Hỏa Lò, tôi chỉ còn nung nấu trong đầu hai tiếng Tự Do. Tôi sẽ đi tìm Tự Do suốt cuộc đời này! Từ đó tôi mang cái "mác": Trốn vào Nam theo địch, rồi dần dần thêm từng dòng "Âm mưu lật đổ chính quyền, phản động, làm tay sai CIA".

Lý lịch như vậy, sống trong thời điểm khốc liệt nhất của cộng sản Việt Nam, đời tôi còn quãng dài oan nghiệt. Tôi đã lên rừng, xuống biển, sang biên giới Việt Lào, vào miền trung để vượt tuyến vào Nam. Những tháng năm tù tội làm tôi hiểu cặn kẽ về cộng sản. Điều cha tôi đau khổ nói trước khi chết "Cha đã bị lừa..." nay tôi mới hiểu hết.

Năm 1981, tôi vượt biển lần thứ hai, bằng thuyền buồm đánh cá của một gia đình nghề chài, đi từ Hải phòng tới HongKong sau 26 ngày sóng gió. Định cư tại Mỹ năm 1982, tôi đã tìm thấy Tự Do .

Mãi suy tư nên lỡ chuyến ferry, phải đợi thêm nửa giờ, chuyến tới. Tôi không bận tâm vì chờ đợi, tôi đã đợi chờ gần nửa đời người, ba mươi phút chỉ là khoảnh khắc .

Sầu tử đã trôi đi, chỉ còn vui tươi, hạnh phúc. Tôi còn có thể đợi chờ ngày vui tươi, hạnh phúc trên quê hương không còn cộng sản.

*

Xuống ferry (phà), mũi tàu chiếu thẳng Liberty Island, mười phút, nhìn phía sau, khu Manhattan lô nhô nhà chọc trời mờ dần trong nắng chiều New York, trời xanh lơ không một bóng mây mù. Xa xa, những con tàu lướt sóng, những cánh buồm

nhieu màu sắc đu đưa khiến tôi, trong giây phút, liên tưởng đến hàng trăm tàu thuyền tới cảng, một ngày tị nạn của người Việt Nam.

Trên ferry người người, tay bắt tay, chào hỏi nhau, mặt rạng rỡ niềm tin, nụ cười chia sẻ. Người ta nói với nhau bằng nhiều thứ tiếng, hiểu nhau bằng chỉ trỏ.

Những con hải âu bay lượn quanh phà, mấy em bé ngậy thơ tung mẩu bánh mì cho chim sà xuống, đôi cánh trắng vẫy chào.

Phà vào bến, tôi bước lên bờ, thêm kích thích vì cảnh tượng trên đảo. Trước hết là tượng thần Tự Do cao lừng lững trên một building tức là phân bệ đá. Người xếp hàng thành hai cánh cung bao bọc cột cờ, dựng trên sân gạch hình tròn.

Theo mũi tên và đường dây căng, mất thêm ba phút mới vào được tới bệ, rồi vào khu bảo tàng, giới thiệu công trình trùng tu năm 1980, kiến trúc và lịch sử tượng thần Tự Do. Cô gái Á đông xinh đẹp, tươi cười chào mọi người và kể chuyện. Tôi dừng lại đây lâu hơn một chút, không hiểu hết những gì cô nói, nhưng nhìn sơ đồ, thống kê tài liệu, biết được nhiều điều về pho tượng hình phụ nữ mặc áo choàng này.

Tượng thần Tự Do hoàn thành năm 1876, do nhà điêu khắc Frederic Auguste Bartholdi tạo hình, cùng kỹ sư Alexandre Gustave Eiffel thiết kế, xây dựng, là món quà của người Pháp tặng nước Mỹ.

Tính từ mặt đất, tượng cao 305 feet (92,99 m), riêng thân tượng cao 151 feet (46,50 m). Bên trong có hai lối lên đỉnh tượng: cầu thang máy lên hết phân bệ đá, cho người già hoặc ai không thích leo từng bậc thang (192 bậc). Còn leo từ đầu, cả thảy 354 bậc thang xoắn ốc. Đầu tượng đội chiếc nón có 7 cánh nhọn xòe ra, tượng trưng cho biển và lục địa (thời đó chưa biết 5 châu, bốn biển, mới có 7). Vành nón có 25 cửa sổ, đại diện cho 25 viên kim cương quý tìm được trên trái đất. Tay mặt thần giờ cao ngọn đuốc, đêm đêm rực sáng, tay trái giữ tấm bảng trông như quyển sách ghi chữ số La Mã: "July 4th, 1776", ngày thành lập Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, ta quen gọi là Mỹ.

Rất ít người dùng thang máy, đa số leo thang bậc lên tới vành nón, chặng cuối của hành trình. Tôi thận trọng bước lên bậc thang thứ nhất, lòng hân hoan khó tả. Mỗi bước leo lên vòng thang xoắn ốc, tới khoảng giữa thân tượng, cảm thấy như vào

động tiên.

Ánh đèn mờ ảo phản chiếu bộ khung sắt chằng chịt, đủ sáng cho ta leo lên, càng cao, phần tượng nhỏ dần vì sắp tới đầu. Bậc thang chỉ vừa một người nên không chen lấn.

Trên tôi là cô gái gốc Poland (Balan), tóc vàng óng ánh, người sau tôi là đàn bà Phi châu, trang sức, váy chùng sặc sỡ. Chỉ có tiếng rì rầm vọng từ vách tượng như tiếng kinh cầu bí ẩn. Dòng người lên, xuống như đàn kiến vòng vèo, êm ả trong không khí dịu mát của máy điều hòa nhiệt độ.

Từ cửa sổ vành nón tượng thần, tôi nhìn ra cánh tay thần Tự Do giơ cao ngọn đuốc soi sáng tinh thần Tự Do cho nhân loại, và rồi nhìn ra Đại tây Dương, nghìn trùng xa cách, nửa vòng trái đất là nước Việt Nam của tôi chưa có Tự Do.

Chuyến phà về, trở lại Manhattan, trời chiều lắng dịu. Trên phà cũng lắng dịu tiếng người như để tận hưởng một ngày ý nghĩa trong đời là đến tượng thần Tự Do, ghi lại bằng nhiều tấm hình kỷ niệm.

Người trèo lên đỉnh núi Himalaya hoặc theo khí cầu bay vòng quanh thế giới để lập một kỷ lục, tôi leo lên đỉnh tượng thần Tự Do để trọn vẹn một ước mơ từ nhỏ.

Hòa nhập vào dòng người New York, tôi đi nốt quãng đời yên vui còn lại của một người đi tìm Tự Do, tìm được Tự Do trên đất Mỹ.

Bản Tình Ca
Của Một Người Tị Nạn

tự
truyện tìm Tự Do của tác giả Nguyễn Văn Luận

*

Hai năm sau ngày đất nước chia đôi, từ miền Bắc hoang tàn, tôi lặn lội tới vùng giới tuyến mong vượt thoát vào miền Nam tự do.

Lần tới gần sông Bến Hải, đêm tối âm u bờ Bắc, tôi đã nhìn thấy cầu Hiền Lương

vì bờ Nam rực sáng ánh đèn. Trên cột cờ cao vút, bóng cờ vàng sọc đỏ lung linh. Giọng ca ngọt ngào từ loa treo vọng về miền Bắc:

"...sông Bến Hải là nơi chia cắt đôi đường... hỡi ai... lạc lối... mau quay... về đây...!"

Tôi đứng đó chơi voi định hướng, dăm dăm nhìn cờ vàng bên kia bờ sông lịch sử, uống từng lời ca trong cơn đói khát, rồi bừng tỉnh, lao lên phía trước. Từ đâu đó, mấy cái nón cối xông ra. Tôi bị trói hai tay bằng sợi thừng oan nghiệt, theo nón cối về lại địa ngục trần gian.

Mười chín tuổi, lao tù đầy đọa, tôi đã mất mẹ, mất cha, bị qui là tư sản, xa vắng họ hàng vì chia rẽ giai cấp. Tôi mất Hà Nội là nơi tôi sinh ra làm người Việt Nam. Không có tang cha khi cha gục xuống, không có tang mẹ khi mẹ xuôi tay, không hy vọng có đám cưới đời mình.

Bạo quyền cộng sản Việt Nam bắn giết hàng trăm ngàn người, bị qui là địa chủ. Nhiều trăm ngàn người bị tập trung lên rừng, để lại vợ con không nhà không đất. Thời gian làm ngưng nước mắt, oán than cũng vô ích, chỉ còn tiếng kêu vang vọng khắp miền: "Chúng tôi muốn sống!"

Hai mươi lăm năm sau (1981) tôi vượt biển, thoát tới Hong Kong. Bốn mươi tư năm từ lúc chào đời, tôi thành người tị nạn cộng sản.

Ngày tiếp kiến phái đoàn Mỹ xin đi định cư, một ông Mỹ dáng nghiêm trang, nghe tôi trả lời, đột nhiên hỏi "Anh có biết nói tiếng Pháp?". Tôi nhìn ông, giọng run run: "L'exilé partout est seul!" (Kẻ lưu đày nơi đâu cũng cô độc).

Ông gật đầu hiểu cả tiếng Tây, hiểu lòng tôi đau xót. Xưa tôi học trường Albert Sarraut, Hà Nội.

*

Đứng bên rào kẽm gai, sau dãy nhà tôn của trại tị nạn Hong Kong, một mình, suy tư thân phận. Tôi sẽ đến nơi xứ lạ là nước Mỹ xa xôi, tìm quê hương mới, chỉ trở về khi đất nước Việt Nam tự do, không còn cộng sản.

Đứa bé chừng 5, 6 tuổi, tung trái banh, toan bắt thì trượt chân trên sân trại. Tôi đã kịp giang tay đỡ cháu khỏi ngã thì người đàn bà chạy tới, đứng im, lặng lẽ nhìn tôi.

Tiếng trẻ thơ kêu "Má", tôi nhìn nàng... Sự thẳm lặng và ánh mắt trao nhau là chân tình của người tị nạn Việt Nam nhẵn nhụi, khổ đau, nói được nhiều hơn lời nói. Rồi những ngày sau đó, tâm sự, nỗi niềm, tôi đã cùng Mai kết thành bạn đường và bạn đời, đi Mỹ định cư.

Chồng Mai là người lính Cộng Hòa hiên ngang dưới lá cờ vàng ba sọc đỏ, quyết bảo vệ quê hương. Anh tử trận, mang thân đền nợ nước, để lại con thơ. Mai trở thành góa phụ, miền quê Đà Nẵng, cuộc đất trồng khoai, nuôi mẹ già con dại. Sau năm 1975, mất nước. Mẹ già khuất núi, con chậm lớn vì cháo loãng, bo bo thay cho sữa mẹ và cơm.

Một đêm mưa bão,
Mai bị tên Việt cộng trưởng công an xã cưỡng hiếp, du kích xã canh gác quanh nhà. Mai phải sống vì con mới lên ba, mất cha còn mẹ. Người dân Đà Nẵng ra đi, đã mang theo vợ con người lính chiến tới Hong Kong năm 1981. Đứa con lên sáu không biết tiếng gọi "Ba"!

Tôi mang nặng túi nhục, đọa đày triền miên từ đất Bắc đi tìm tự do. Mai gánh những thương đau, mất mát, cơ cực của miền Nam, bồng con đi tị nạn. Lầy dầy vãng chia xẻ cùng nhau, chúng tôi sắp xếp lại hành trang cho bớt gánh đoạn trường, đi Mỹ.

Con đã có Má, có Ba. Má bồng con, Ba xách túi. Con có đồ chơi, cầm chiếc máy bay vậy chào các chú, hai người lính chiến Quảng Nam đưa tiễn. Tôi nhìn con tự nhủ: "Ba sẽ dạy con tiếng "Cha", chỉ cho con hình người lính Cộng Hòa, ở bất cứ nơi đâu đều là Cha con đó!".

Mai đã nhất định không đi kinh tế mới. Tôi đã trốn công trường, vào tù chịu đặng, bây giờ dù bỏ lại quê hương nhưng còn Tổ quốc Việt Nam. Bốn ngàn năm lịch sử, thăng trầm, người dân nước Việt sẽ không trở thành Cộng sản.

Quê hương mới của chúng tôi là vùng đông bắc nước Mỹ. Căn apartment hai phòng, hai chiếc giường nệm, một chiếc bàn con, đã cho tôi ấn tượng đẹp những ngày đầu tới Mỹ.

Lúc tôi khôn lớn, không có chiếc giường làm nơi cư trú, vì đã thành vô sản. Rồi

tôi hiểu, vô sản cũng vẫn còn giai cấp. Phải lên rừng, một miếng nylon bọc vài manh vải gọi là quần áo, thì mới thành "người vô sản chân chính"!

Nhìn con ngon giấc ngủ thản nhiên, vợ chồng tôi thao thức, không phải lo âu mà thì thầm những dự định tương lai. 18 tháng welfare trợ cấp, đủ thời gian cho mình đi học tiếng Anh. Đọc dòng thư hội M&RS nhắc trả nửa tiền nợ vé máy bay sang Mỹ "Xin bạn trả dần 12 tháng, giúp cho người sau bạn định cư", theo ý Mai, ý nghĩ nhân hậu của người đàn bà làm mẹ, "mình trả ngay từ tháng thứ hai".

Việc đơn giản là tại sao người ta không khấu trừ vào trợ cấp, lại đòi riêng. Mai chỉ nhẹ nhàng "nợ thì mình trả, ở hiền sẽ gặp lành", nhưng tôi lại suy nghĩ mung lung. Đây là bước đầu thử thách, cái thước đo lòng người tị nạn. 72 đô tiền nợ một tháng, có thể không trả và quên đi. Một lần để lòng vẫn đục sẽ trở thành bất lương. Cha mẹ bất lương con cái sẽ chẳng nên người.

Một sáng mùa Xuân, "bé Nam" gọi Má, gọi Ba, chỉ bông hoa màu vàng màu đỏ đung đưa bên vườn hàng xóm, kêu lên "hoa tu-líp". Bà già người Mỹ đứng trên thềm, giơ tay vẫy vẫy. Mai đã nói "Thank you", ngọt ngào, mạnh dạn, tay chỉ trở, diễn tả được những gì muốn nói.

Bà Jenny hiểu chút ít về "chiến tranh Việt Nam" qua tivi, sách báo hồi bà còn dạy học. Bà đã thấy "Boat people", những thuyền nhân tị nạn, nhưng lần đầu bà thấy một gia đình người Việt đến vùng này, lại là hàng xóm nên bà có cảm tình. Đây là ứng nghiệm "Ở hiền gặp lành" hay là sự may mắn cho gia đình tôi? Nói thế nào thì cũng đúng vì vài nơi trên đất Mỹ vẫn còn kỳ thị chủng tộc.

Thời gian trôi đi nhưng hai tiếng "lần đầu" lặp lại: lần đầu ra nhà Bank, lần đầu tới Post Office. Có những lần đầu chưa biết, nhưng có hai lần đầu quan trọng: "bé Nam" đi học, chúng tôi xin được việc làm. Bà Jenny cùng chúng tôi đưa "cháu" tới trường, bà cho chiếc mũ baseball và đôi giày sneaker trắng muốt, khen "Cháu cute." Vợ chồng nhìn nhau, không hiểu, lát nữa về tra tự điển.

"Từ nay chúng mình có Má, bé Nam có Bà...!" Mai thốt lên khi chúng tôi đồng lòng nhận "Má Nuôi". Bà Jenny thành "Má Jen". Chuyện xảy ra vào ngày Lễ Tạ Ơn (Thanksgiving), 17 năm về trước.

Sống một mình trong căn nhà rộng rãi, bà Jenny vốn là cô giáo nên rất yêu trẻ. Bà mời "cả nhà" sang ăn turkey.

Bé Nam lên bảy, đi học, hiểu nhiều về Thanksgiving hơn Má và Ba. Ăn uống vui vẻ, vợ chồng tôi nói chuyện với bà, có lúc ngồi im lặng hơi lâu vì vốn tiếng Anh ít ỏi. Bỗng bé Nam kêu "Má...!", bà Jenny toan đứng dậy thì Mai buột miệng nói: "Má... let me do it!".

Nghe tiếng "Má" lơ lửng của Mai, tiếng Việt, vừa lạ, vừa thích, bà bâng khuâng giây lát. Mai kể chuyện xưa, miền Đà Nẵng cuộc đất trồng khoai, nuôi mẹ già con dại... Tôi góp phần thông dịch, bớt thêm: Người Việt Nam coi việc chăm sóc cha mẹ già là bổn phận, dù chịu nhiều cơ cực cũng cố gắng đền ơn sinh thành, dưỡng dục.

Bà suy nghĩ mấy ngày, bỏ dự định chuyển về Florida, tỏ ý muốn nhận gia đình tôi làm Con, làm Cháu.

Chúng tôi dọn nhà sang ở chung với "Má Jen", điều này ít thấy trong các gia đình người Mỹ có con trưởng thành. Các con nhờ Má, nói được tiếng Anh.